TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 19-11-2018
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Quốc H_nđ, sinh năm 1993. Địa chỉ: kp 4, thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang; (xin vắng mặt)

Bị đơn: Chị Hồ Thị C_bđ, sinh năm 1994. HKTT: kp 4, thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang ; Tạm trú: ấp CG, xã ĐH B, huyện An Minh, Kiên Giang. (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23-5-2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11-7-2018, nguyên đơn anh Phạm Quốc H_nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Vào năm 2013 anh và chị C_bđ kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T11, huyện An Minh. Quá trình chung sống do mâu thuẩn nên ly thân nhau vào tháng 10-2017. Về con chung: anh chị có 2 con chung là

Phạm Quý T_lq1 sinh ngày 28-9-2013 và Phạm Quý M_lq2, sinh ngày 03-12-2015, hiện đang sống chung với anh H_nđ. Về tài sản chung chỉ có số vàng ngày cưới là 11,5 chỉ vàng 24k, khi đi vợ anh mang theo.

Anh H_nđ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị C_bđ, xin nuôi 2 đứa con, không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Tại Tờ tường trình đề ngày 27-8-2018, bị đơn chị Hồ Thị C_bđ trình bày: Chị đồng ý ly hôn với anh H_nđ; về con thống nhất giao cho anh H_nđ nuôi dưỡng 2 đứa con nhưng cho chị quyền thăm nom theo quy định; về tài sản có số vàng 11,5 chỉ vàng 24k nhưng mẹ chồng đã mượn lại, chị không có giữ và chị C_bđ cũng không yêu cầu phân chia tài sản.

Tại biên bản xác minh ngày 31-10-2018, chính quyền địa phương nơi cư trú xác định các bên có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể thì không xác định được; trước đây gia đình hai bên đã động viên nhưng hai người vẫn không khắc phục được.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh H_nđ với chị C_bđ; về con giao cho anh H_nđ nuôi dưỡng, chị C_bđ không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn anh H_nđ và bị đơn chị C_bđ đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, anh H_nđ và chị C_bđ chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn T11, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23-8-2013 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Anh, chị sống chung đầm ấm hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Từ những mâu thuẩn nhỏ nhưng do hai anh, chị không có biện pháp tốt, mặc dù đã được gia đình hai bên động viên nhưng vẫn không khắc phục được nên đã ly thân từ tháng 10-2017. Anh H_nđ xin ly hôn, chị C_bđ đồng ý ly hôn nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[4] Về con chung, anh, chị có 02 đứa con chung tên Phạm Quý T_lq1 sinh ngày 28-9-2013 và Phạm Quý M_lq2, sinh ngày 03-12-2015, hiện các cháu đang sống chung với anh H_nđ. Anh H_nđ xin được nuôi con sau khi ly hôn và chị C_bđ đồng ý giao con cho anh H_nđ nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao anh H_nđ trực tiếp nuôi 2 con chung sau khi ly hôn. Chị C_bđ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H_nđ không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh, chị Hạnh không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí, nguyên đơn anh H_nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Quốc H_nđ và chị Hồ Thị C_bđ.

2. Về con chung: Giao các con chưa thành niên gồm Phạm Quý T_lq1 sinh ngày 28-9-2013 và Phạm Quý M_lq2, sinh ngày 03-12-2015 cho anh

H_nđ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn (các cháu đang chung sống với anh H_nđ). Chị C_bđ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H_nđ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí, anh Phạm Quốc H_nđ chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0008830 ngày 20-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Anh H_nđ đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (anh H_nđ, chị C_bđ) đều vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ**.**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T11;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công

Lê Chí Công